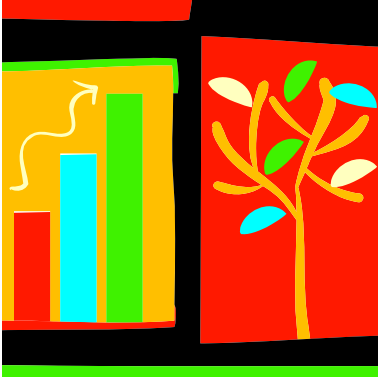


Nguyễn Duy Chính

BA TÁC SEN VÀNG



Lời mở đầu:

Mới đây tiểu bang California đã thông qua một đạo luật cho phép người đàn bà được quyền cho con bú nơi công cộng. Thế nhưng nhiều luật gia vẫn lên tiếng chỉ trích là đạo luật đã xóa đi một nét đặc thù của nền văn minh, nền văn minh Tây phương mà chúng ta đang thấy.

Cứ theo những tài liệu về nghệ thuật và văn hóa, người Âu Châu đã chiêm ngưỡng cái đẹp thân thể từ rất lâu, nhất là bộ ngực người đàn bà. Những pho tượng cổ của Hi Lạp cho thấy là nét đẹp mà họ tôn sùng hai ngàn năm trước đến nay vẫn còn được nhiều người chấp nhận.

Tuy nhiên, khi đối chiếu với những dân tộc khác, sự chiêm ngưỡng bộ ngực – để rồi trở thành một thứ cấm kỵ như ngày nay – không mấy phổ thông. Chỉ có 13 trong số 190 dân tộc trên thế giới coi hai trái đào là biểu tượng của dục tính. Chín trong số 13 dân tộc này trọng bộ ngực to, hai dân tộc thích loại vú mướp (pendulous) và hai dân tộc còn lại thì thích bộ ngực vểnh lên. Tuy nhiên, tại nhiều nơi, dù có coi bộ ngực đàn bà là gợi cảm thì cũng vẫn không coi việc cho con bú nơi công cộng là vấn đề vì đó là một bản năng của con người vốn dĩ nguyên thủy là một động vật hữu nhũ. Hơn thế nữa, quan niệm

thẩm mỹ và tính dục đổi thay rất nhiều, theo thời đại, theo địa phương. Có nơi coi khuôn mặt là quan trọng, vùng khác lại để ý đến cặp đùi, bàn tay, vòng eo, cổ hay vai. Sự khác biệt về quan niệm đưa đến những dị biệt về văn hóa, cách ứng xử, đối đãi của mỗi dân tộc. Nơi này che đậy thì nơi khác lại phô bày. Cái cấm kỵ ở khu vực này không hẳn đã quan trọng đối với địa phương khác.

Ngay tại Việt Nam, tại nhiều vùng quê miền Bắc cách đây không lâu cũng không coi việc lỏa thể là cấm kỵ. Trong một số Hoài Bảo Quê Hương của hội cựu SVQGHC gần đây, một cựu sinh viên đã kể rằng khi ông đi dạy học tại một vùng quê miền Bắc, học trò (đã trưởng thành) khóa thân đứng tằm một cách bình thản và ngạc nhiên khi thấy ông thầy của mình tằm mà lại mặc quần. Trong bài này, chúng tôi đề cập đến một quan niệm về thẩm mỹ và tính dục rất khác biệt với chúng ta và đã ảnh hưởng đến nhiều biến chuyển lịch sử, trực tiếp hay gián tiếp.

Ở bên Tàu, suốt trong hơn một nghìn năm – mãi tới sau thời Dân Quốc mới thôi – lại coi bàn chân phụ nữ là nơi kín đáo và gọi dục nhất trên cơ thể. Một người đàn ông khi đã nắm được chân người đàn bà là coi như hoàn toàn chinh phục và một người đàn bà cho người đàn ông coi bàn chân là đã sẵn sàng hiến dâng tất cả những gì còn lại. Cái cấm kỵ đó quan trọng đến nỗi ngay trong những bức tranh thuộc về Xuân Cung Đồ (tranh vẽ trai gái ái ân), người đàn bà cũng không mấy khi để lộ hai bàn chân cho dù hoàn toàn lỏa thể. Quan niệm về tính dục đó đã biến thái để trở thành một phong tục tàn ác là tục dùng băng vải bó bàn chân cho nhỏ lại mà cho tới ngày nay vẫn không hiếm những nhà trí thức Trung Hoa bị ám ảnh bởi quan niệm đó.

Trong truyện Ý Thiên Đồ Long Ký của Kim Dung, Trương Vô Kỵ cù gan bàn chân Triệu Mẫn trong một hầm tối để bức bách nàng thả chàng ra. Thế nhưng, ngoài ý nghĩa cụ thể của câu chuyện, còn một nghĩa bóng là một khi

cho đàn ông nắm chân, người đàn bà coi như đã thất thân với nam nhân. Từ đó tình yêu nảy nở và cũng là cái động lực khiến nàng Quận Chúa phải bỏ cha, bỏ anh để đi theo một tên “đại ma đầu”, kẻ thù của triều đình và của chính dân tộc Mông Cổ.

Vài chục năm trước, thỉnh thoảng người ta còn gặp trong những khu đồng Hoa kiều những bà già có đôi bàn chân nhỏ, đi hài thêu, bước từng bước nặng nhọc, khó khăn và thường phải có người nâng đỡ. Đó là những phụ nữ Trung Hoa theo tục lệ bó chân, một quan niệm thẩm mỹ cổ điển mà sau này đã bị nhiều người đả kích.

Một điều lạ là nhiều học giả Trung Hoa lại lên tiếng bênh vực, coi như đó là một nét đặc thù hơn là một thái độ áp bức. Lâm Ngữ Đường cho là việc bó chân cũng không khác gì tục lệ thắt eo của Tây Phương thời Trung Cổ, vũ ballet trên đầu ngón chân hay một đi giày cao gót hiện đại, vì bản chất của tục lệ này là mỹ thuật và tính dục, hình thái tự nhiên mà đàn bà muốn được đàn ông chiều chuộng và tán thưởng. Ông còn đi xa hơn để biện minh rằng bó chân tuy có đau nhưng cũng không đến nỗi ngất xỉu như người Tây Phương thất lưng ong . Lý Lạp Ông thì nhận định là ba tấc sen vàng (tức bàn chân nhỏ do tục bó chân) đặt trên mặt đất tính ra diện tích đế và trọng lực cũng không khác gì hơn một đôi chân bình thường đi giày cao gót của phụ nữ tân thời. Tôi đã quan sát một đôi chân ba tấc nếu không đi giày cao gót và một đôi chân bốn, năm tấc đi giày cao gót nếu đứng trên cùng một địa điểm, thì chân ba tấc xem ra còn lớn hơn chân bốn, năm tấc. Tục lệ này đã trở nên lỗi thời từ khi chế độ Dân Quốc được thành lập và đến khoảng thập niên ba mươi thì không còn ai theo nữa. Tuy nhiên trong suốt một ngàn năm, cái quan niệm mà người ta cho là đẹp ấy đã dày vò hàng trăm triệu người từ khi còn là một đứa trẻ thơ ba bốn tuổi kéo dài đến suốt cuộc đời. Đó là chưa kể không biết bao nhiêu người không chịu nổi đau đớn và nhiều nỗi thống

khổ có trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến việc bó chân. Trong cuốn China, A New History, John King Fairbank, một học giả lỗi lạc chuyên về Trung Hoa (mới mất không lâu) cho biết là trong thời gian gia đình ông sống ở Bắc kinh đầu thập niên 1930, việc đàn bà bó chân là một trong ba hiện tượng đặc thù của nước Tàu. Những nhà truyền giáo ước tính khoảng 10% nữ nhi yếu vong vì không chịu nổi đau đớn hay bị các chứng bệnh liên quan đến việc bó chân mà chết. Cái đau đớn thân thể chỉ là một trong những hậu quả của tục lệ kỳ quái này vì còn nhiều ảnh hưởng tâm lý, xã hội khác chưa mấy ai để tâm tới, nhất là ảnh hưởng kinh tế và sản xuất khi một phần lớn dân số bị hạn chế năng lực để trở thành những ký sinh hoàn toàn lệ thuộc vào người khác. Tuy có một số học giả chống đối tục lệ này, phần lớn vẫn chấp nhận, lắm khi còn biện hộ như chúng ta đã thấy, hoặc lặng thinh không đề cập tới. Thành thử, nhìn lại lịch sử Trung Hoa trong vài trăm năm qua, những nỗi nhục nhã của dân tộc này có ít nhiều liên quan đến những hủ tục, mà tục bó chân là một.

Người Tàu đã coi những dân tộc khác không biết làm cho chân nhỏ lại là những dân tộc kém văn minh, cũng như người mình trước đây chê cười ai không nhuộm răng là “răng trắng như răng bò”. Thật đúng là “cái đẹp của con cóc đực là con cóc cái”.

Lịch sử

Theo sử sách Trung Hoa thì đời xưa đàn bà mang giày có mũi nhọn là vì đôi giày được coi như một loại vũ khí tự vệ. Trên những bích họa tại đền chùa, các sách Chu Lễ, Sử Ký, Hán Thư đều có dấu tích của giày mũi nhọn (lợi lý). Từ đời Tần Hán trở về sau, vì đàn ông ưa chuộng nữ nhân yếu điệu, thanh tú nên thiên hạ đều coi mình hạc xương mai là đẹp. Nhạc Phủ (thơ của vợ Tiêu Trọng Khanh đời Hán) có câu: Tiêm tiêm tác tế bộ, Tinh diệu thể vô song (Uyển chuyển đi những bước chân nhỏ nhắn, quả thực thể gian không

có gì dịu dàng bằng) cho thấy là đời xưa người ta chuộng đàn bà mảnh khảnh.

Còn về hai chữ “sen vàng” (kim liên) thì đầu tiên xuất hiện trong Đông Hôn Hầu của Nam Tể khi mô tả bước chân của Phan Phi là “mỗi bước đi lại thành ra một đóa sen vàng”. Thế nhưng từ việc chuộng bàn chân nhỏ nhắn một cách tự nhiên biến thành tục bó chân thì sử sách cho rằng chỉ bắt đầu từ đời Nam Đường Lý Hậu Chủ (Lý Dục). Trong nghiên cứu về giày và vớ của phụ nữ (Phụ Nữ Hải Miệt Khảo), Dư Hoài chép là: Hậu Chủ có người cung phi tên là Yểu Nương, người xinh đẹp thanh tú, giỏi việc ca múa. Hậu Chủ cho làm những đóa sen vàng cao sáu thước, treo những đồ quý giá, buộc dải lụa để cho nàng dùng vải bó chân, múa trên những bông hoa trông chẳng khác gì múa trên mây. Nhiều người bắt chước sau thành tục bó chân.

Tục bó chân từ trong cung cấm sau truyền ra ngoài, trước tiên là ca kỹ, vũ nữ, rồi đến cả những khuê nữ con các đại gia dần dần lan rộng khắp dân gian. Đến đời nhà Minh, sách “Khuê Môn Nữ Nhi Kinh” coi việc bó chân là một trong những điều răn dạy con gái. Nữ Nhi Kinh viết là: Quan trọng là việc bó chân cho con, chẳng những cong cong đẹp như cánh cung, lại không lo chạy rong ra ngoài ngõ, chẳng cần phải lấy dây mới buộc được. Việc bó chân từ đó được coi như một tập tục không thể không có cho một cô gái con nhà đứng đắn.

Hình dáng

Bàn chân bó nhìn ngang trông giống như hình chiếc cung nên vì thế còn gọi là “cung túc”, dân gian gọi là chân nhỏ còn kẻ văn nhân thì gọi là “đóa sen vàng” (kim liên). Theo truyền thống, bàn chân phải nhỏ chừng ba tấc - tức khoảng 12 phân tây - là vừa nhưng càng nhỏ thì càng đẹp. Bàn chân chỉ chừa ngón cái, khum khum cong lên, mu bàn chân gồ lên vì những ngón chân bị kéo lại, có tên là “lang đầu” (núm cau).

Ngón chân quặp vào dưới lòng bàn chân, biến thành như hình cái trứng nên gọi là “áp đản lự”. Nếu nhìn từ dưới gan bàn chân thì thấy bàn chân có hình tam giác, gót chân tròn, phải chịu sức nặng của toàn thân vì phần đầu hoàn toàn tàn phế không còn sử dụng được đựng đến sẽ đau nhói. Mỗi khi đi đầu người đàn bà phải hoàn toàn đi bằng gót chân và người phải đứng thẳng, mông ưỡn về phía sau, không có thể uyển chuyển được, gót chân chạm đất nặng nề, khó nhọc. Mỗi bước chỉ đi được chừng ba, bốn tấc, cũng không đứng yên được mà chốc chốc phải đi tới hay lui một vài bước, nghiêng ngả cho đỡ đau, nếu không có người nâng thì sẽ ngã khụy xuống. Tây Sương Ký đã mô tả là “mỗi bước đi đều khiến người ta thương cảm, như cảnh liễu rũ trước gió”.

Thoạt đầu khi mới có tục bó chân thường khởi sự khi còn là một thiếu nữ trẻ tuổi, người ta dùng vải quần chặt nên chân thường sưng lên, rất đau đớn. Khi đó chân cũng đã lớn, khó có ai bóp lại cho nhỏ để thành một bàn chân ba tấc được. Về sau, khi tập tục này đã phổ biến, người mẹ bó chân cho con ngay từ khi còn nhỏ, và chia thành hai loại, bó sớm và bó trễ.

Bó sớm, còn gọi là bó chậm (mạn triển) thường là tại những gia đình giàu có, ngay từ ba, bốn tuổi. Người mẹ lấy vải quần các ngón chân và đi giày chặt cho con hằng đêm, càng lớn lên càng thắt cho chặt thêm, thân thể có tăng trưởng nhưng bàn chân thì giữ nguyên. Trừ ngón chân cái, những ngón khác dần dần quặp vào lòng bàn chân, hay bị thoái hóa không lớn mà thun lại bằng hạt đậu. Mu bàn chân không giãn bề ngang nên u lên, khiến cả bàn chân thôn thôn như hình trái cau (lang đầu), tổng cộng không quá ba tấc (khoảng 12 phân tây). Loại chân nhỏ này được gọi là Dương Châu cước, bó từ khoảng bốn tuổi đến năm tám tuổi thì hoàn tất. Những cô gái bị bó chân quá sớm thường không phát triển bình thường, hay quặt quẹo đau yếu luôn, và thường chết yếu. Nếu có thọ thì dung mạo cũng rầu rĩ, không tươi vui.

Bó gập, hay bó nhanh (cấp triền hay khoái khóa) thường là con nhà nghèo, phải làm việc, cha mẹ cũng không có thì giờ bó chân cho con từ nhỏ, nên mãi tới tám, chín tuổi, có khi mười bốn, mười lăm không chừng mới bắt đầu bó chân. Theo cách này, người ta chọn ngày lành, tháng tốt (?), mẹ không nỡ bó chân con nên thường nhờ những bà già có kinh nghiệm, rồi người lớn xúm vào giữ chặt đứa nhỏ, rồi người ta thật nhanh nhẹn bẻ gãy bốn ngón cho gập vào lòng bàn chân. Sau đó dùng dây vải quấn chặt, kéo xuống gót chân xiết lại. Tiếp theo, người ta sẽ uốn cho mu bàn chân cong lên thành hình chữ kỹ, chẳng khác gì uốn một thân cây. Công việc này chỉ làm một lần là xong và cứ để như vậy chứ không uốn từ từ như cách thứ nhất. Cứ hai ba ngày người ta lại tháo băng ra, dùng nước nóng rửa sạch máu mủ, rắc hương liên tán (một loại thuốc bột để bớt mùi hôi) rồi lại quấn chặt. Thời gian từ lúc bắt đầu cho tới khi bàn chân biến dạng không còn hồi phục được nữa khoảng ba tháng, các vết thương cũng liền da nhưng phải khoảng nửa năm sau thì đứa trẻ mới được đi lại. Tuy thời gian có ngắn hơn nhưng phương pháp này làm cho nạn nhân đau đớn hơn nhiều. Vì bó chân khi đứa trẻ đã khá lớn nên cũng ít trường hợp bị chết yếu và sau này vẫn còn làm được công việc nặng nhọc. Phụ nữ vùng Thiểm Tây, Sơn Đông áp dụng cách này và vẫn còn có thể mang vác nặng vượt qua núi, có người còn luyện võ. Thế nhưng khuyết điểm là "lang đầu" quá lớn, mu bàn chân không tròn trịa vì đầu gãy xương vẫn còn nên không được ưa chuộng như cách thứ nhất. Bàn chân cũng chỉ có thể giữ được khoảng 4, 5 tấc thứ không thể nào đạt mức lý tưởng là 3 tấc sen vàng. Cách này cũng làm cho nạn nhân bị đau nhức nhiều hơn khi về già, nhất là những ngày âm u.

Khi đã bó chân rồi, muốn cho giữ nguyên hình trạng, người đàn bà Trung Hoa không chỉ dùng những đôi giày được chế tạo riêng cho họ mà phải có thêm một số phương tiện phụ thuộc. Để giữ cho bàn chân không trở lại hay

biến dạng, họ phải dùng một mảnh vải dài chừng sáu thước, bề ngang khoảng hai tấc, màu xanh đậm để quấn chân. Màu xanh là màu để cho vết máu khỏi hiện rõ. Chỉ khi đã về già, chân không còn chảy máu mới dùng màu trắng. Mỗi người tối thiểu phải có khoảng ba sợi như thế hầu giặt giũ, thay đổi hàng ngày. Bên ngoài lớp vải bó là các loại vớ rồi ngoài cùng mới đến giày. Đôi giày có tên là cung hài vì hình tượng của lớp đáy trông giống hình cánh cung. Giày có nhiều loại, hình dáng, phẩm chất khác nhau nhưng nói chung thì có những loại sau đây:

1. Tú hài: là loại giày thêu thùa rất mỹ thuật, kỹ lưỡng thường dùng cho con gái trong lễ cưới hay để phụ nữ mang khi có khách đến thăm, có loại gọi là “mã khẩu tuyến hài” hoặc “nguyệt lượng môn hài” thường thêu hoa, thêu hình ngọc như ý. Mũi giày nhọn như mỏ chim, có đính những hạt ngọc trai, tú cầu hoặc thêu hình nhụy hoa. Đế giày cứng thường là bằng gỗ nhưng gót mềm lót bằng nhiều lớp vải. Bên trong gót giày có một mảnh gỗ hình giống như chiếc mũ đạo sĩ nên còn được gọi là “đạo sĩ quan”. Loại giày này để hết trọng lực vào gót chân, ngón chân không bị tì vào đất nên ít đau.

2. Tiện hài: là loại giày thường dùng hàng ngày (tiện là tiện lợi) bằng vải, đế mềm, có loại thêu hoa, có loại chỉ để trần.

3. Thụy hài: là loại giày đàn bà mang khi đi ngủ để ngừa chân nứt để không sẽ giãn ra nên gọi là giày ngủ (thụy hài). Giày ngủ chỉ có một lớp vải ít khi thêu thùa trang sức, hình dáng cũng gần như tiện hài.

Ngoài giày vớ, người đàn bà Tàu còn dùng một số dụng cụ phụ thuộc để đỡ chân và trợ giúp khi di chuyển, khi đi trời mưa ...

Các kiểu chân

Người Trung Hoa môn gì cũng thích phân biệt chi li. Đối với đôi chân của người đàn bà họ lại càng vẽ vờ. Bàn chân bó được chia làm ba loại, thượng trung hạ, mỗi loại lại chia làm ba cấp, có tên như sau: thần phẩm, diệu phẩm,

tiên phẩm (thượng), trân phẩm, thanh phẩm, diễm phẩm (trung) và dật phẩm, phàm phẩm, ung phẩm (hạ). Sau đây chúng tôi chỉ mô tả một vài loại chính:

1. Hồng lãng cước: hình củ ấu, đầu chân thuần nhọn là loại tiêu chuẩn và được ưa chuộng nhất.
 2. Tống tử cước: hình cái bánh giò (loại bánh có bốn góc) nhưng mu bàn chân thuần đuột, không gồ lên hình chữ kỷ, kém loại trên một bậc.
 3. Man ngư cước: đầu chân không được nhọn, hình bầu bầu giống hình con cá sộp, kém một bậc nữa.
 4. Văn minh cước: là loại về sau cuối thời Mãn Thanh đặt tên cho những người trước bó chân sau cởi ra không tiếp tục nữa. Còn có tên là bán lẫm cước (hình nửa cái giò), ngón chân quặp vào, đầu chân uốn về phía sau.
 5. Quải tử cước: lúc bó chân cũng làm nhanh rồi sau lại cởi ra nên hình dạng méo mó, hình xấu xí, khiến chân đi như người què.
 6. Đoàn mộc cước: cũng thuộc loại chân trước bó sau cởi ra, ngón chân ruỗi ra được nhưng mu bàn chân bị gãy, nên có tên là chân hình khúc củi.
- Ngoài ra còn phải kể đến một loại chân bó giả, làm bằng gỗ dẻo như hình chân phụ nữ, là của phường tuồng nam giả nữ (đích thực là một loại cà khêu ngắn để họ đi).

Bàn chân và tính dục

Người Trung Hoa coi bàn chân của phụ nữ là bộ phận tối gợi cảm và kín đáo, là biểu trưng của nữ tính và là vùng kích động nam nhân nhiều hơn cả. Nhiều bức tranh trong xuân cung thư hay phòng trung thuật mô tả người đàn bà hoàn toàn lỏa thể nhưng hai bàn chân vẫn bó. Bàn chân không những là nơi kín đáo mà còn là vùng cấm kỵ nữa. Cùng lắm nghệ nhân chỉ vẽ đến người đàn bà đang tháo băng chân. Bàn chân còn là nơi gợi cảm và việc vuốt ve, hôn hít bàn chân là những động tác tiền giao hoan.

Khi một nam nhân được làm quen với một thiếu nữ, được mời ăn thưởng giá

vờ để rơi dũa, hay rơi khăn rồi nhân dịp đó đụng vào bàn chân người đối tượng. Đó là cách để thử xem ý trung nhân có thuận tình chăng. Người đàn ông có thể vô tình đụng vào hông, vào ngực người đàn bà nhưng việc đụng vào chân không thể xem là một hành vi sơ xuất.

Một số tác giả Trung Hoa cho rằng việc bó chân có ảnh hưởng đến việc phát triển bộ phận sinh thực khí của người đàn bà, nhất là gò âm môn (mons veneris) và phản xạ co thắt của âm đạo. Cô Hồng Minh (1857-1928), một học giả cận đại còn khẳng định là người đàn bà nào bàn chân càng nhỏ thì những nếp gấp của âm thần càng kỳ diệu. Người ta giải thích là vì bị bó chân, người đàn bà Trung Hoa đi lại khó khăn nên âm đạo bị thắt lại, cũng giống như người ta tập co thắt các cơ vòng của bộ phận sinh dục sau khi sinh nở. Tuy nhiên, những nghiên cứu y học tân tiến đã hoàn toàn phủ nhận giả thuyết này và cho đó chỉ là sự tưởng tượng của người Tàu. Một số khác thì lại cho rằng việc bó chân là một hậu quả của lễ giáo, muốn giới hạn việc di chuyển của phụ nữ, và cũng chứng tỏ vai trò thấp kém của nữ giới trong xã hội phong kiến và là một hậu quả của văn hóa Khổng Mạnh.

Việc che đậy và sùng bái bàn chân (foot fetish) không phải chỉ có ở Trung Hoa mà xuất hiện tại nhiều dân tộc – chẳng hạn như người phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ và người Mông Cổ vùng Siberia, có thể cởi trần những ngày nóng, nhưng lại không phô bày đôi bàn chân cho ai ngoại trừ người chồng. Thế nhưng việc coi bàn chân là một biểu tượng tính dục là một cảm nhận đặc thù của người Tàu và họ cho rằng người nước ngoài không thể nào hưởng được cái khoái cảm đó nếu không ý thức được như họ. Nhiều giáo sĩ đã nghe con chiên xưng tội là “trong lòng rậy lên ý nghĩ đen tối khi nhìn vào bàn chân người đàn bà”. Cũng nên biết thêm là tại Trung Hoa, chỉ có người khách gia (hakka, tức người Hẹ) là dân tộc duy nhất chống lại và không theo tục lệ này. Người khách gia là một dân tộc di cư từ miền bắc xuống vào khoảng

thế kỷ 11 đến thế kỷ 13, sản sinh ra nhiều nhân tài kiệt xuất, có đầu óc cải cách, độc lập mà hiện nay chúng ta có thể kể như Đặng Tiểu Bình, Lý Quang Diệu, Lý Đăng Huy, Lý Bằng, Vương Vĩnh Khánh ...

Trong những kỹ viện và chốn ăn chơi, việc dùng những đôi hài của kỹ nữ làm trò đánh đố, làm ly đựng rượu, và làm vật trợ hứng cho nam nhân thường xảy ra. Lý Lạp Ông đưa ra 48 cách đàn ông dùng bàn chân phụ nữ để tìm vui trong đó đủ cả ngũ giác (28 cách dùng tay, 6 cách dùng miệng, 4 cách dùng chân, 2 cách dùng vai, 4 cách dùng thân thể) .

Khi tìm cách giải thích hoặc biện minh cho tục bó chân, nhiều tác giả đã lý luận rằng người Trung Hoa rất thích dùng biểu tượng, dùng một vật này để chỉ một ý nghĩa khác. Việc chúc tụng chẳng hạn, người ta dùng con dơi (biểu bức) để thay cho chữ phúc (âm tương đồng giữa bức và phúc), dùng trái đào tượng trưng cho sự trường thọ (ăn đào sống lâu theo truyền thuyết bàn đào của bà Tây Vương Mẫu), hay trái lựu để mong đông con trai (đa tử, lắm hạt) ... Người Tàu lại hay kiêng cử những điềm gở, dù rằng đôi khi rất mơ hồ. Số nhà, số xe họ kỵ số bốn (tứ, đồng âm với tử là chết). Cách đây không lâu, báo chí đã đăng tải một bệnh viện ở Los Angeles bán không được vì có số nhà đọc lên nghe như bốn chữ “thập tử nhất sinh” (1413). Thời cổ, những tiếng kim liên (sen vàng), tân nguyệt (trăng non), kim hoa (hoa vàng) ... dùng để chỉ bộ phận sinh thực của nữ giới (chữ liên đồng âm với chữ lân hay liên là đáng yêu, đáng thương), cũng như con cá tượng trưng cho dương cụ của nam giới. Thành thử một bức tranh vẽ cá đùa giỡn một bông hoa sen còn có ý nghĩa nam nữ hợp hoan. Cho nên bốn chữ “ba tấc sen vàng (tam thôn kim liên)” có ý nghĩa ẩn dụ, cũng như khi nghiên cứu diện tướng, nhiều người cho rằng mũi (đàn ông) và miệng (phụ nữ) với tính dục có tương quan.

Vì thế khi uốn bàn chân cho thành hình tam giác hay gọi là đoá sen vàng,

người Trung Hoa muốn ám chỉ sự liên quan giữa bàn chân và bộ phận sinh thực khí. Cũng có thể đó chỉ là một cách giải thích vì người ta hay thêm thắt cho li kỳ, đặt ra một số huyền thoại để cắt nghĩa một việc mà chính họ cũng không hiểu rõ.

Cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ

Không phải người Trung Hoa không có ý thức về vai trò và ảnh hưởng của tục bó chân đối với văn hóa, chính trị, kinh tế nước Tàu. Chính một nho sĩ đời Minh đã đưa ra một “quốc sách” là dạy cho những dân tộc Hung Nô phương Bắc tục bó chân để cho họ bị mê mết về đóa sen vàng của chính họ mà khỏi xâm lăng nước Tàu. Tuy nhiên, trong lịch sử cũng không hiếm người phản kháng lại tục lệ kỳ quái này, nhất là đời Thanh. Chính triều đình cũng nghiêm cấm việc bó chân. Vào Thuận Trị nguyên niên, Hiếu Trang hoàng hậu ra lệnh chém đầu những thiếu nữ nào bó chân, không cho nhập cung, năm thứ hai lại ra lệnh mọi người dân không được bó chân cho con. Tới Khang Hi nguyên niên, nhà vua lại ra một đạo dụ khác cấm nữa, nếu ai vi phạm thì cha mẹ và gia trưởng đều bị tội. Năm Đạo Quang 18, triều đình lại ra lệnh cấm chỉ một lần nữa. Từ Hi thái hậu cũng hạ chỉ “Mãn Hán có thể lấy nhau, cấm phụ nữ bó chân”. Năm Quang Tự 20, tổng đốc Tứ Xuyên cũng phổ biến một đạo dụ có tên là “Khuyến Giới Triền Túc Dụ”.

Tuy nhiên, dân chúng vẫn lén lút bó chân cho con và tìm cách ẩn lậu. Có người cho rằng đó cũng là một hình thức phản kháng tiêu cực của người Hán chống lại người Mãn Thanh. Công khai vận động chống đối thì có năm người: Lý Nhữ Trân đời Gia Khánh viết Kính Hoa Lục, chủ trương nam nữ bình đẳng, coi việc bó chân là một thảm hình không gì ác độc hơn. Cung Tự Trân đỗ tiến sĩ đời Đạo Quang làm thơ chống đối việc bó chân, ca tụng việc lấy được vợ có bàn chân bình thường. Hồng Tú Toàn là lãnh tụ Thái Bình Thiên Quốc xưng đế ở miền Nam Trung Hoa, tuyên bố nam nữ bình đẳng,

đàn bà cũng được đi thi. Khi kéo quân đến Giang Ninh liền ra lệnh cho dân chúng không được bó chân, ai vi lệnh sẽ bị chém đầu. Từ đó về sau nhân dân vùng Quế Việt hơn một nửa không còn theo hủ tục này nữa. Tây Côn Hùng Tử, người đất Thục đời Đồng Trị viết cuốn Lạc Thế tổng cộng 130,000 chữ cũng bài xích tục bó chân, mà chính gia đình ông tự làm trước. Ba người con gái của ông đều không theo tục này. Trịnh Quan Ứng người đất Quang Thời viết cuốn Thịnh Thế Nguy Phương, đả kích những hủ tục và hô hào duy tân. Trong thiên Nữ Giáo ông viết: “Trên khắp năm châu không dân tộc nào như Trung Quốc. Phàm đã là cha mẹ ai cũng thương con, vậy mà trẻ mới 4, 5 tuổi cho chí 7, 8 tuổi lại đem ra hành hạ áp bức coi đó làm vui. Thật khổ khổ cho người nào sinh ra làm phận nữ nhi Trung Quốc.”

Sau cuộc chiến tranh Trung Nhật, phong trào cải cách ngày càng lan rộng, việc vận động để chân tự nhiên ngày càng lên cao. Năm Quang Tự thứ 22, Khang Hữu Vi sáng lập hội không bó chân ở Quảng Châu, vừa mới đầu đã có hàng vạn hội viên. Năm Quang Tự thứ 23, Lương Khải Siêu viết Biện Pháp Thông Luận trong chương Luận Nữ Học có một đoạn viết là : “Hủy thân thể người khác, làm cho người khác máu đổ thịt rơi để thỏa mãn cái thích của mình, sao gọi là học? Còn bó chân một ngày thì việc nữ học chưa có thể thành được. Sức của một ông vua (nói về việc vua Khang Hi ra lệnh cấm bó chân) không thể thay đổi cái mù quáng của số đông dân chúng, cái đầu cứng của kẻ đàn ông, không mềm bằng cái chân của người phụ nữ.”

Sau đó, nơi nào cũng có hội để chân tự nhiên (Thiên Túc Hội), các thành thị lớn lại có Tổng hội, nông thôn thì có phân hội. Các hội viên tất cả ước định với nhau sẽ không bó chân con cái mình, và cũng không lấy gái bó chân. Vận động này tới cuối đời Quang Tự đã lên tới cao điểm. Tới thời Dân quốc, hầu hết các nơi đều không còn hủ tục này.

Kết luận

Cho đến bây giờ, tục bó chân của người Tàu vẫn được nhìn dưới nhiều quan điểm khác nhau. Dù bệnh hay chống, chúng ta cũng thấy là tục lệ này đã ảnh hưởng rất lớn đến dân tộc Trung Hoa trong một thời gian dài. Ngoài ảnh hưởng xã hội, kinh tế, nó còn mang nhiều hiện tượng tiêu cực trên cả mặt chính trị. Tuy nhiên, xét tục bó chân của người Trung Hoa trong một tiến trình lịch sử dài thì người ta thấy rằng thoát tiên nó mang ý nghĩa và quan niệm về sắc đẹp, nhưng về sau lại được gán thêm cái nghĩa văn minh Hán tộc, dùng để biện biệt với các dân tộc man di, mọi rợ khác không có tục này. Đến thời nhà Thanh, tục bó chân lại còn có một ý nghĩa đối kháng ngầm ngầm với triều đình, coi đó là một hành vi bất khuất hưng Hán, bài Mãn. Một điều đáng để ý là hình như nền văn minh Hán tộc đã khiến cho người ta có máu “sa địch”, thích chứng kiến hay hưởng thụ những hành vi tàn ác. Phụ nữ đã bị coi như một món đồ chơi, không được coi như bình đẳng với nam giới. Nhiều trẻ gái vừa sinh ra đời đã bị bóp mũi hay trấn nước cho chết, và hiện nay, với chính sách chỉ được phép sinh một đứa con, tục lệ này càng thêm lan rộng. Tỉ lệ chênh lệch nam nữ ở bên Tàu nay nhiều nơi lên tới 100/120 (100 nam, 120 nữ). Vào thời xưa, việc mua bán, trao đổi phụ nữ rất phổ thông và nhiều phú gia đã nạp hàng chục thiếu nữ làm tì thiếp. Họ lại còn có quan niệm cho rằng phá tan một người con gái là một việc may mắn và nhiều thương nhân đã bỏ tiền mua trinh tiết để giải hạn hay lấy hên. Thế nhưng, không phải chỉ ở Trung Hoa mà tại nhiều nơi cũng có những tục lệ xâm phạm đến thân thể người đàn bà, chẳng hạn như tại một số quốc gia Bắc Phi đến nay vẫn còn duy trì tục cắt âm hạch (clitoridotomy) cho con gái. Trong suốt một nghìn năm, cái quan niệm về thẩm mỹ và tính dục của người Tàu đã khiến cho không biết bao nhiêu máu và nước mắt phải âm thầm đổ ra, thật là một thảm kịch của một dân tộc vốn vẫn coi mình là tâm điểm của thế giới, và là đỉnh cao của văn minh. Để kết luận, chúng tôi lược dịch lời tự

thuật của một phụ nữ Trung Hoa trong tác phẩm Chinese Footbinding: The History Of A Curious Erotic Custom của Howard L. Levy, một tác phẩm mà nhiều người cho rằng đây là một Kinsey Report của Trung Hoa (New York, Walton Book 1966 từ trang 224 đến trang 227):

Tôi ra đời tại một huyện ở miền tây tỉnh Hồ Nam, vào cuối triều Mãn Thanh. Theo tục lệ, tôi phải bó chân khi lên bảy. Từng chứng kiến nỗi khốn khổ của những người chị em họ, nên tôi rất sợ. Mùa thu năm đó, thẩm họa đã giáng xuống đầu tôi. Một hôm, mẹ tôi bảo: con đã bảy tuổi rồi, vừa đúng tuổi để bó chân. Để lâu hơn nữa, chân con cứng lại càng đau nhiều. Đáng ra mẹ đã bó chân cho con từ mùa xuân nhưng vì con yếu quá nên phải đợi tới bây giờ. Con cái các nhà khác đã bó chân xong cả rồi. Sáng mai mình bắt đầu nhưng mẹ sẽ làm cho con nhẹ nhẹ để con ít đau, vì con gái nhà ai cũng phải qua cái cảnh khổ này.

Sau đó mẹ tôi cho tôi ăn trái cây và cho tôi xem một đôi giày có đầu nhọn như mỏ phượng, an ủi tôi với những lời: Chỉ có người bó chân mới đi vừa đôi giày đẹp dễ này thôi. Nếu không chân con to như chân voi, người ta cười con và con sẽ xấu hổ lắm.

Tôi thấy yên tâm, và lòng ham muốn được đẹp dễ khiến tôi cương quyết, cả đêm không ngủ được.

Sáng hôm sau, khi tôi trở dậy, mẹ tôi đã sẵn sàng mọi thứ. Mẹ tôi để tôi ngồi trên một cái ghế đầu ngay cạnh giường. Mẹ tôi xỏ chỉ một cây kim gài lên tóc tôi, tán một miếng phèn (alum) xếp cùng với vải bó chân và một đôi hài thêu hoa. Sau đó bà đóng cửa phòng lại. Đầu tiên mẹ tôi ngâm chân tôi vào nước ấm, lau sạch, và cắt các móng chân tôi bằng một cái kéo nhỏ. Bà để chân phải tôi vào hai bàn tay và chà xát theo chiều lòng bàn chân. Bà cũng rắc phèn tán vào những kẽ ngón. Bà cho tôi cầm một quả bút theo niềm tin là có thể sau này chân tôi mới thon nhọn như ngòi bút.

Bà lấy một giải vải dài chừng một thước tây, ngang độ hai phân rưỡi, nắm chặt chân tôi bẻ quặt bốn ngón chân nhỏ xuống phía gan bàn chân, cột lại với nhau rồi quấn từ gót chân lên mu bàn chân, đi trở xuống. Quấn như thế năm vòng rồi bà lấy chỉ khâu lại. Để cho khỏi lỏng, bà nhồi bông vào dưới bàn chân bên đầu ngón chân. Chân trái cũng được làm y như thế rồi bà ấn chân tôi vào đôi hài hoa, vốn dĩ đã hơi nhỏ hơn chân tôi. Đầu mũi hài được khâu như hình hạt lúa. Một giây vải dính vào đôi hài buộc xuống gót chân tôi cho khỏi tuột.

Mẹ tôi bảo tôi xuống giường bước đi bảo là nếu không đi thì chân sau này sẽ thành tật. Chân tôi vừa chạm đất, tôi hầu như tê bại, phải thử mấy lần mới đi được nhưng những đầu ngón chân đau thật là đau.

Đêm đó hai chân tôi sưng vù và nóng hừng hực. Ngoài việc tập đi, tôi chỉ ngồi trên giường. Mỗi tuần mẹ tôi lại bó lại cho tôi một lần, mỗi ngày chặt thêm một chút khiến tôi càng lúc càng hãi hùng. Tôi lắm khi phải trốn sang hàng xóm để tránh việc bó chân. Nếu tôi nói lỏng ra, mẹ tôi mắng tôi là không muốn làm đẹp.

Sau khoảng nửa năm, những ngón chân tôi đã quặp vào gan bàn chân và đầu mũi thêm nhọn dần. Một năm sau ngón chân tôi đã chết hẳn và bắt đầu thối. Những cục chai cũng đóng và một thời gian lâu chân tôi không thấy khá hơn. Mẹ tôi tháo băng chân và dùng dao lạng bớt những cục chai và lấy kim khều những nhân trong đó. Tôi sợ lắm nhưng không dấy được vì mẹ tôi nắm rất chặt.

Năm tôi chín tuổi, cha tôi hứa gả tôi cho một nhà hàng xóm họ Triệu và tôi phải sang đó hầu hạ việc nhà, tập làm dâu. Mẹ chồng tôi bó chân còn chặt hơn mẹ tôi, nói là chân tôi chưa đủ tiêu chuẩn. Nếu tôi khóc thì bà ta đánh đập rất tàn nhẫn và nếu nói ra, thì đánh cho thâm tím khắp người mới thôi. Chân tôi tương đối có da thịt nên mẹ chồng tôi nói là phải làm cho sưng tấy

lên mới có kết quả. Tôi phải ngâm chân vào một loại thuốc và mỗi lần ngâm xong chân rất đau. Nhìn xuống tôi thấy các ngón chân, trừ ngón cái, đều sưng húp và bắt đầu rữa. Mỗi khi tháo băng tôi phải lấy tay dần cho lỏng ra vì băng dính đầy máu mủ. Mỗi lần lột băng ra, máu lại chảy ròng ròng. Tôi đau thấu tâm can, người run bần bật vì xúc động.

Mẹ chồng tôi đã không thương lại còn nhét gạch vào để cho chân mau thối. Tôi khóc lóc bà cũng mặc kệ. Cứ cách một ngày, bà lại quấn lại cho chặt thêm và giày cũng chặt thêm. Cạnh giày cứng và tôi phải ấn mạnh mới cho chân vào được. Tôi phải đi quanh sân, và ráng sống tuy đau đớn không sao tả xiết. Gia đình tôi chỉ trung lưu nên tôi vẫn phải kéo nước, giã gạo.

Đến mùa đông, chân tôi càng đau đớn nhiều. Đêm đêm tôi cố co chân lên cho ấm nhưng chỉ càng thêm đau. Khí hậu thay đổi làm một ngón chân tôi bị rụng và thịt thối đi khiến chân tôi thành nhọn như đọt măng, cong lên như củ ấu. Mu bàn chân gồ lên còn bốn ngón chân teo lại bằng hạt đậu quắp hằn vào gan bàn chân, chỉ cách gót chân một quãng ngắn. Lòng bàn chân hุ้ม vào khiến tôi có thể xếp vài đồng tiền vẫn còn lọt. Chân tôi chỉ có ba tấc, bà con, bạn bè ai cũng ngợi khen, không ai biết đến bao nhiêu máu và lệ đã đổ ra để được như thế.

Chồng tôi vui lắm vì tôi có bàn chân nhỏ nhưng đã qua đời hai năm trước. Cửa cải phân tán hết nên ngày nay tôi phải lang thang đi kiếm việc. Tôi thèm muốn được như người ta không bị bó chân. Nếu tôi sinh muộn độ mười năm, tôi đã không phải khổ sở như thế này. Giữa người bó chân với người không thật cách biệt một trời một vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Anh ngữ

- Lin Yutang, My country and my people, Halcyon House, New York 1938

- R.H. Van Gulik, Sexual Life in Ancient China, Barnes & Nobles Books, New York 1996
- Huard Pierre, Wong Ming, Oriental Methods of Mental and Physical Fitness: The Complete Book of Meditation, Kinesitherapy, and Martial Arts in China, India, and Japan (translated by Donald N. Smith) Funk & Wagnalls, New York 1977
- Chu, Valentin, The Yin-Yang Butterfly, Jeremy P. Tarcher/Putnam Book, New York 1994
- Tài liệu Internet
- 2) Hoa ngữ
- Lại Kỳ, Trung Quốc Cổ Đại Tính Tàn Hại, Hạ Hỉ Văn Hóa Công Ty Đài Bắc 1995
- Từ Dịch Sơn, Tam Thốn Kim Liên Tung Hoành Đàm, Lịch Sử Nguyệt San 2/1997

Nguồn: Vietkiem
 Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
 vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003